

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN THI  
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ - ST

Ngày 12 tháng 03 năm 2025

“ V/v ly hôn, con chung ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HUNG YÊN**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đồng D

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị N

Bà Hoàng Thị C

*Thư ký Toà án phiên toà:* Ông Dương Mạnh H – Thư ký Tòa án

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn

Thị H - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2024 về việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/DSST - QĐXX ngày 06/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 25/02/2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị T, sinh năm 1994

*Bị đơn:* Anh Trần Văn V, sinh năm 1988

*Địa chỉ:* Mả Cầu, Hồ Tùng Mậu, Ân Thi, Hưng Yên

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Trần Gia B, sinh năm 2012 và cháu Trần Gia M, sinh năm 2014

*Người đại diện cho cháu B, cháu Minh:* Chị T

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2024 của chị T và các lời khai của chị T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Đinh Thị T và anh Trần Văn V lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Tùng Mậu, Ân Thi, Hưng Yên vào năm 2012. Sau khi lấy nhau vợ chồng vào Miền Nam làm ăn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì có nhiều mâu thuẫn nảy sinh, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bản T anh V là người rất nóng T, gia trưởng, luôn làm theo ý của mình, khi tôi có tham gia góp ý thì anh V nổi khùng, chửi, đánh tôi, tôi cảm nhận sống chung với nhau nhưng anh V không tôn trọng tôi, không coi tôi là vợ, không bao giờ anh V để ý đến cảm xúc của tôi, những khó khăn vất vả trong cuộc sống đều

do mình tôi lo liệu, gánh vác, sau khi có con chung với nhau thì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, do áp lực về kinh tế, áp lực về tinh thần nên vợ chồng thường xảy ra va chạm, đánh cãi chửi nhau, cuộc sống chung không hòa thuận, bản thân tôi cũng nhiều lần nói chuyện với bố mẹ chồng để bố mẹ có quan điểm, định hướng giúp vợ chồng tôi nhưng bố mẹ cũng không nói được anh V, theo thời gian mâu thuẫn nhiều hơn đồng nghĩa tình cảm vợ chồng lạnh nhạt hơn, ở cùng với nhau nhưng chẳng ai nói với ai, sinh hoạt vợ chồng thưa thớt, đầu năm 2023 đến nay vợ chồng tôi sống ly thân, tôi về sinh sống cùng bố mẹ tôi ở huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa còn anh V về ở cùng với bố mẹ ở xã Hồ Tùng Mậu, vợ chồng tôi cũng chấm dứt mọi liên lạc, công việc, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay tôi xác định không còn tình cảm, hạnh phúc không còn nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị T, anh V có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh năm 2012 và Trần Gia Minh, sinh năm 2014. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện gia đình anh V trình bày: Anh V và chị T quen biết, tìm hiểu nhau khi làm ăn trong Miền Nam, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, Cuộc sống vợ chồng anh V không hòa thuận, có nhiều mâu thuẫn nảy sinh, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ mỗi người mỗi khác nên vợ chồng thường xuyên khắc khẩu, không tôn trọng đã làm cho tình cảm lạnh nhạt, từ đầu năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, chấm dứt mọi quan hệ, gia đình cũng đã động viên để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, gia đình nhìn nhận cuộc sống vợ chồng anh V không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng anh V được ly hôn. Vợ chồng anh V có 02 con chung Trần Gia B, sinh năm 2012 và Trần Gia Minh, sinh năm 2014, hai cháu hiện đang ở cùng anh V và gia đình, nguyện vọng của gia đình mong muốn được nuôi cả hai cháu. Vợ chồng anh V có hay không có tài sản chung gia đình không nắm được.

Quan điểm của cháu B trình bày: Cháu là con lớn của bố V, mẹ T, hai anh em hiện nay đang ở cùng bố và ông bà nội và đang học tập ở xã Hồ Tùng Mậu. bố mẹ không ở cùng nhau, mỗi người mỗi nơi, nay bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Quan điểm của cháu Minh trình bày: Cháu là con út của bố V, mẹ T, hai anh em hiện đang ở cùng bố và ông bà nội và học tập ở xã Hồ Tùng Mậu, bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Xác minh với ủy ban nhân dân xã Hồ Tùng Mậu thể hiện: Anh V và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2012. Trong cuộc sống vợ chồng anh V có mâu thuẫn gì nảy sinh hay không địa phương không nắm được, hiện nay vợ chồng anh V không ở cùng nhau, chị T về sinh sống ở Thanh Hóa còn anh V ở địa phương, ở địa phương anh V có đi làm, thu nhập cụ thể bao nhiêu thì không nắm được, gia đình anh V cơ bản, không có vi phạm gì. Vợ chồng anh V có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh năm 2012 và Trần Gia Minh, sinh năm 2014, hai cháu đang ở cùng anh V và ông bà nội, đang học tập tại địa

phương. Vợ chồng anh V có hay không có tài sản chung địa phương không nắm được.

Đối với anh V, quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ qua gia đình và anh V đã nắm được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Quan điểm của anh V thể hiện: Anh V mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý. Đối với con chung thì anh V có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con, trường hợp không được nuôi cả hai thì anh V có quan điểm mỗi người nuôi một cháu, anh V nuôi cháu Minh, chị T nuôi cháu B để B đảm sự công bằng. Đối với tài sản chung, công nợ, công sức: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/2/2025 Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 12/3/2025 chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

#### **Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký: Đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48, 51 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vắng mặt không có lý do vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Trần Văn V

Về con chung: Giao cháu Minh cho anh V, chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến tuổi thành niên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T, anh V có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự nên phải chịu án phí theo quy định của

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Đinh Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Trần Văn V. Tòa án xác định đây là

quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Trần Văn V có hộ khẩu thường trú tại Thôn Mão Cầu, xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của chị T, anh V: Chị T, anh V lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2012, việc kết hôn của anh chị đảm B các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị T, anh V là hợp pháp được pháp luật B vệ. Chị T có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của của các đương sự trong vụ án đã thể cuộc sống vợ chồng giữa chị T, anh V không hạnh phúc, tồn tại rất nhiều mâu thuẫn và cả hai đều không tự giải quyết được, bản thân hai bên cũng đã có thời gian dài sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không ai còn quan tâm, trách nhiệm với ai. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn tồn tại đã quá trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và pháp luật.

Về con chung: Chị T, anh V có 02 con chung tên Trần Gia B, sinh năm 2012 và Trần Gia Minh, sinh năm 2014, hai bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng, quan điểm, nguyện vọng của anh V, chị T là chính đáng, thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của người bố, người mẹ đối với các con chưa thành niên, nguyện vọng của các con chung là được ở với chị T nhưng vẫn mong muốn được học tập tại xã Hồ Tùng Mậu. Việc giao con cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cần phải xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của từng bên. Anh V và chị T đều có công việc và thu nhập ổn định, về chỗ ăn ở thì anh V ở cùng bố mẹ, có nhà cửa ổn định trong khi đó chị T phải đi thuê nhà, mặt khác nếu giao cả hai con chung cho một bên nuôi dưỡng sẽ không đảm B được cuộc sống cũng như tạo gánh nặng rất lớn về kinh tế. Do đó, việc giao cho mỗi bên nuôi dưỡng một con chung là cần thiết và sẽ B đảm tốt hơn về cuộc sống cũng như sự phát triển cho các con chung. Vì vậy, giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh đến tuổi thành niên, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu B đến tuổi thành niên. Do mỗi người nuôi một con chung nên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T, anh V phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân

gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ vợ chồng:** Xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn anh Trần Văn V.

**2. Về con chung:** Giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Giao B, sinh năm 2012 đến tuổi thành niên. Giao cho anh V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Gia Minh, sinh năm 2014 đến tuổi thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

**3. Về tài sản chung, công nợ, công sức:** Không giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001388 ngày 28/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị T đã nộp đủ án phí DSST.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định.

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồ Tùng Mậu;
- THADS;
- ;- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đồng D**

